

Số: 102/2023_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC Hợp Nhất bán niên năm 2023 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính Hợp Nhất bán niên năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất bán niên đạt được trong năm 2023 của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, sản lượng bán hàng và lợi nhuận sau thuế lại tăng so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của 6 tháng đầu năm 2023 tăng so với 6 tháng đầu năm 2022 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu 6 tháng	Số liệu 6 tháng	Chênh lệch (VNĐ)
	đầu năm 2023	đầu năm 2022	
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	183.715.152.641	199.186.657.771	(15.471.505.130)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	10.667.177.285	4.588.462.881	6.078.714.404
3 Chi phí tài chính	26.737.358.570	22.026.132.994	4.711.225.576
4 Chi phí bán hàng	123.544.265.058	151.227.096.506	(27.682.831.448)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.531.896.804	60.325.729.990	(15.793.833.186)
7 Lợi nhuận khác	29.597.328	6.888.650.106	(6.859.052.778)
8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	377.096.379	(21.564.257.665)	21.941.354.044
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	184.531.649	1.429.011.760	(1.244.480.111)
10 Lợi nhuận sau thuế TNDN	76.251.442	(22.695.823.536)	22.772.074.978

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 15.471.505.130 đồng nguyên nhân chính do giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính tăng 6.078.714.404 đồng nguyên nhân do trong Quý 1 năm 2023 thu nhập từ hoạt động đầu tư và lãi chênh lệch tỉ giá tăng so với Quý 1 năm 2022.
- Chi phí tài chính tăng 4.711.225.576 đồng nguyên nhân lãi suất vay ngân hàng tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí bán hàng giảm 27.682.831.448 đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí tiền lương, chi phí phân bổ, chi phí công cụ và chi phí khấu hao TSCĐ giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 15.793.833.186 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương và chi phí công tác giảm so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận khác giảm 6.859.052.778 đồng nguyên nhân chủ yếu do thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho hàng giảm so với 6 tháng đầu năm 2022.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của 6 tháng đầu năm 2023 tăng 22.772.074.978 đồng so với 6 tháng đầu năm 2022.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN MINH LOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 55

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập (Bầu bổ sung ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Trúng cử ngày 19/4/2023)
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 19/4/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/6/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)
	Thành viên (Từ ngày 27/6/2023)
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/4/2023)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Minh Loan

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số: /2023/BCSXHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được lập ngày 28/8/2023, từ trang 05 đến trang 55, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

	MS	TM	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.145.116.266.927	1.097.024.480.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	115.458.237.677	122.733.445.778
1. Tiền	111		115.458.237.677	86.317.247.512
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	36.416.198.266
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		130.200.000.000	90.614.277.028
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	130.200.000.000	90.614.277.028
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		705.563.752.899	745.293.619.310
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	595.228.112.501	637.379.083.237
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	64.568.828.677	62.292.904.664
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.300.000.000	9.250.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	43.384.232.172	42.289.051.860
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.926.311.089)	(5.926.311.089)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		8.890.638	8.890.638
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	113.808.777.657	83.809.113.672
1. Hàng tồn kho	141		113.808.777.657	83.809.113.672
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		80.085.498.694	54.574.024.512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	17.486.331.456	8.926.119.357
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		62.052.213.327	45.184.612.782
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	546.953.911	463.292.373
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		963.291.837.176	1.006.044.347.374
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		78.510.501.348	76.568.341.203
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	22.337.320.000	22.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	56.173.181.348	54.231.021.203
II. Tài sản cố định	220		120.312.081.251	128.753.653.906
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	39.122.422.543	46.384.292.762
- Nguyên giá	222		212.471.246.536	212.347.723.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.348.823.993)	(165.963.431.047)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	81.189.658.708	82.369.361.144
- Nguyên giá	228		94.954.426.926	93.431.426.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.764.768.218)	(11.062.065.782)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.268.300.000	5.268.300.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	5.268.300.000	5.268.300.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		107.332.356.982	104.235.758.592
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	90.992.356.982	87.895.758.592
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	16.340.000.000	16.340.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		651.868.597.595	691.218.293.673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	624.691.312.590	662.134.838.009
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	3.027.534.487	3.143.847.775
3. Lợi thế thương mại	269	5.15	24.149.750.518	25.939.607.889
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.108.408.104.103	2.103.068.827.674

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

	MS	TM	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.618.666.844.659	1.612.685.896.983
I. Nợ ngắn hạn	310		1.472.704.360.295	1.376.492.455.907
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	699.381.760.181	708.972.856.596
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.037.413.868	4.035.574.874
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.661.196.228	26.246.077.740
4. Phải trả người lao động	314		8.733.078.731	5.470.645.176
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	2.996.373.766	3.227.561.214
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	46.923.812.942	27.200.259.090
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	708.408.590.777	600.777.347.415
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
II. Nợ dài hạn	330		145.962.484.364	236.193.441.076
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.26	11.873.281.688	12.518.453.024
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	40.596.152.676	61.115.208.052
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	93.493.050.000	162.559.780.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		489.741.259.444	490.382.930.691
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	489.741.259.444	490.382.930.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.348.387.870	85.676.643.611
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		84.897.710.466	84.162.402.509
- đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.450.677.404	1.514.241.102
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.257.573.358	29.570.988.864
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.108.408.104.103	2.103.068.827.674

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.752.449.057.113	2.238.532.886.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	49.167.969.504	16.679.998.379
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	1.703.281.087.609	2.221.852.888.339
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	1.519.565.934.968	2.022.666.230.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		183.715.152.641	199.186.657.771
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	10.667.177.285	4.588.462.881
7. Chi phí tài chính	22	6.6	26.737.358.570	22.026.132.994
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>23.841.553.911</i>	<i>13.434.143.993</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		778.689.557	1.350.931.067
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	123.544.265.058	151.227.096.506
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	44.531.896.804	60.325.729.990
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		347.499.051	(28.452.907.771)
{30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}				
12. Thu nhập khác	31	6.8	2.711.044.781	7.275.607.364
13. Chi phí khác	32	6.8	2.681.447.453	386.957.258
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	29.597.328	6.888.650.106
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		377.096.379	(21.564.257.665)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	184.531.649	1.429.011.760
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	116.313.288	(297.445.889)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		76.251.442	(22.695.823.536)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.450.677.404	(21.569.190.447)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.374.425.962)	(1.126.633.089)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	66	(578)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		377.096.379	(21.564.257.665)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		11.877.952.753	16.268.599.737
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		501.500.000	727.600.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.557.698.335)	(5.554.453.284)
- Chi phí lãi vay	06		23.841.553.911	13.434.143.993
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.040.404.708	3.311.632.781
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.599.086.531	(84.009.132.797)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.999.663.985)	(16.980.346.448)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(21.136.586.042)	24.238.055.862
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		28.883.313.320	(2.384.317.149)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(24.500.588.905)	(14.302.037.140)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.802.337.821)	(5.643.027.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.916.372.194)	(95.769.172.809)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.646.522.727)	(319.500.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		91.364.277.028	100.950.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(29.571.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.066.366.430	4.053.026.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.215.879.269)	(24.887.473.953)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	3.100.000.000
2. Tiền thu từ cho vay	33		968.520.042.680	1.875.551.406.944
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(931.662.999.318)	(1.832.538.480.114)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.481.060.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.857.043.362	44.631.865.955
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(7.275.208.101)	(76.024.780.807)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		122.733.445.778	217.218.744.572
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	115.458.237.677	141.193.963.765

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30/6/2023 là 1.427 người (tại ngày 31/12/2021 là 1.520 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty liên kết						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
7	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
8	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
10	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Tầng 2-107B Phan Thanh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	29,00%	29,00%	29,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 30/6/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (thời hạn thuê đất đến ngày 09/02/2051), quyền sử dụng đất có thời hạn tại ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/01/2061). Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh mua LPG

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)*****Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ chai LPG (vỏ bình Gas)

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG

Giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các công ty con của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời hạn 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả (Tiếp theo)**

- Chi phí chiết khấu: trích trước dựa trên doanh thu bán ra, và tỷ lệ tính chiết khấu căn cứ theo Hợp đồng với các khách hàng.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các hàng hóa khác), doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas***

Hàng năm, Công ty thực hiện quyết toán tiền ký cược vỏ bình gas và phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.861.516.339	4.094.293.075
Tiền gửi ngân hàng	112.234.206.031	81.540.631.619
Tiền đang chuyển	362.515.307	682.322.818
Các khoản tương đương tiền	-	36.416.198.266
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	36.416.198.266
Tổng	115.458.237.677	122.733.445.778

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	130.200.000.000	130.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	130.200.000.000	130.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
Tổng	130.200.000.000	130.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 6,7%/năm đến 8,7%/năm.

Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long Biên – Hà Nội, với số dư tại ngày 30/6/2023 là 50.000.000.000 VND (tại ngày 01/01/2023: 50.000.000.000 VND), được sử dụng để cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (Thuyết minh số 5.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết			103.626.055.625		90.992.356.982	103.626.055.625		87.895.758.592
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	(i)	27.758.515.752	10.725.395.625	(i)	27.408.875.779
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	-	1.470.000.000	(i)	573.462.202
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	-	2.385.320.000	(i)	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	49,00%	49,00%	1.372.000.000	(i)	1.389.616.617	1.372.000.000	(i)	1.397.856.378
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	3.796.711.413	7.513.340.000	(i)	1.183.371.413
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	2.363.321.016	2.940.000.000	(i)	2.363.321.017
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	9.069.748.345	13.650.000.000	(i)	9.726.237.814
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	17.381.983.814	34.000.000.000	(i)	16.168.757.610
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	19.440.196.712	20.000.000.000	(i)	19.389.463.759
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	29,00%	29,00%	9.570.000.000	(i)	9.792.263.313	9.570.000.000	(i)	9.684.412.620
Tổng			103.626.055.625		90.992.356.982	103.626.055.625		87.895.758.592

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ		30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư khác			16.340.000.000		-	16.340.000.000		-
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông			9.600.000.000	(i)	-	9.600.000.000	(i)	-
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng			6.740.000.000	(i)	-	6.740.000.000	(i)	-
Tổng			16.340.000.000		-	16.340.000.000		-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch với các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 7.2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú	33.720.163.434	57.999.742.525
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	32.467.486.094	34.499.367.347
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Anh	7.185.133.640	5.246.164.332
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	12.436.127.397	13.697.857.187
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	6.527.701.682	8.049.529.211
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	5.888.602.088	854.326.022
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	-	33.340.053.764
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	11.506.421.715	20.478.848.857
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	-	4.678.385.250
Công ty TNHH Hải Linh	10.035.881.100	8.237.417.200
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	51.313.129.645	48.393.156.515
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	57.655.126.924	67.579.844.664
Phải thu các đối tượng khác	366.492.338.782	334.324.390.363
Tổng	595.228.112.501	637.379.083.237
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	162.303.825.159	152.936.163.178
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	50.200.000.000	50.200.000.000
Các đối tượng khác	8.589.187.959	6.313.263.946
Tổng	64.568.828.677	62.292.904.664
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	50.385.247.171	50.414.478.223
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.5 Phải thu về cho vay

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	8.300.000.000	9.250.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (ii)	5.700.000.000	6.650.000.000
Dài hạn	22.337.320.000	22.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iii)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (iv)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (v)	8.217.320.000	8.217.320.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vi)	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng	30.637.320.000	31.587.320.000
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan	24.037.320.000	24.987.320.000
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(iv) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vi) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	43.384.232.172	(1.067.769.848)	42.289.051.860	(1.067.769.848)
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	3.725.000.000	-	3.725.000.000	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu thuế TNCN nộp hộ (ii)	4.542.058.498	-	4.689.142.555	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.023.081.821	-	1.310.439.473	-
Phải thu ông Phạm Huy Hoàng (iii)	213.360.000	-	213.360.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	15.647.990.451	-	11.589.545.809	-
Ký cược, ký quỹ	10.260.505.935	-	15.038.492.160	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	-	-	319.471.185	-
Phải thu khác	7.572.235.467	(1.067.769.848)	5.003.600.678	(1.067.769.848)
Dài hạn	56.173.181.348	-	54.231.021.203	-
Ký cược, ký quỹ	50.208.181.347	-	48.266.021.202	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iv)	1.185.000.001	-	1.185.000.001	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (v)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
Tổng	99.557.413.520	(1.067.769.848)	96.520.073.063	(1.067.769.848)

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

6.262.509.498

5.120.206.254

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Phạm Huy Hoàng thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát.

(iv) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(v) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.7 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Gas Thanh Hùng	803.795.007	-	803.795.007	-
DNTN SX TM & XNK Thuận Huy	166.856.123	-	166.856.123	-
Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin	1.199.617.606	-	1.199.617.606	-
Nợ xấu của các đối tượng khác	3.756.283.707	241.354	3.756.283.707	241.354
Tổng	5.926.552.443	241.354	5.926.552.443	241.354

5.8 Hàng tồn kho

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.528.403.230	-	1.771.928.545	-
Công cụ, dụng cụ	1.893.720.999	-	2.135.432.854	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.734.256.959	-	3.534.846.998	-
Thành phẩm	-	-	2.733.135	-
Hàng hóa	106.652.396.469	-	76.364.172.140	-
Tổng	113.808.777.657	-	83.809.113.672	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9 Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	17.322.528.763	8.926.119.357
Chi phí bảo lãnh mua LPG	1.131.809.278	1.323.051.092
Chi phí sửa chữa	-	30.500.000
Chi phí thuê mặt bằng	3.814.850.317	2.392.196.185
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.530.672.845	854.878.108
Các khoản khác	10.845.196.323	4.325.493.972
Dài hạn	624.855.115.283	662.134.838.009
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	268.155.930.352	290.618.981.373
Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay van chai LPG	56.513.348.868	57.866.299.237
Chi phí thuê kho bãi	1.486.400.000	3.201.680.000
Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (ii)	279.363.039.429	293.352.519.237
Các khoản khác	19.336.396.634	17.095.358.162
Tổng	642.177.644.046	671.060.957.366

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các công ty con của Công ty.

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023
Phải nộp	26.246.077.740	46.275.642.961	68.860.524.473	3.661.196.228
Thuế giá trị gia tăng	12.341.312.836	36.103.487.882	45.235.827.570	3.208.973.148
Thuế xuất, nhập khẩu	615.787.956	8.077.902.598	8.576.056.954	117.633.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.802.337.821	184.531.649	12.802.337.821	184.531.649
Thuế thu nhập cá nhân	486.639.127	1.387.600.046	1.724.181.342	150.057.831
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	5.140.715	5.140.715	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	516.980.071	516.980.071	-
Phải thu	463.292.373	126.944.095	210.605.633	546.953.911
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	2.722.048	10.124.859	32.780.562	25.377.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	384.419.856	-	76.666.640	461.086.496
Thuế thu nhập cá nhân	73.150.469	113.819.236	82.373.047	41.704.280
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.000.000	3.000.000	18.785.384	18.785.384

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	47.433.543.516	98.812.654.132	56.952.521.374	7.074.038.551	2.074.966.236	212.347.723.809
Tăng trong kỳ	-	88.550.000	-	34.972.727	-	123.522.727
Mua trong kỳ	-	88.550.000	-	34.972.727	-	123.522.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	47.433.543.516	98.901.204.132	56.952.521.374	7.109.011.278	2.074.966.236	212.471.246.536
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	42.500.913.328	66.565.344.718	50.572.792.483	4.264.686.782	2.059.693.736	165.963.431.047
Tăng trong kỳ	1.938.222.450	2.484.032.064	2.344.567.603	603.298.329	15.272.500	7.385.392.946
Khấu hao trong kỳ	1.938.222.450	2.484.032.064	2.344.567.603	603.298.329	15.272.500	7.385.392.946
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	44.439.135.778	69.049.376.782	52.917.360.086	4.867.985.111	2.074.966.236	173.348.823.993
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	4.932.630.188	32.247.309.414	6.379.728.891	2.809.351.769	15.272.500	46.384.292.762
Tại ngày 30/6/2023	2.994.407.738	29.851.827.350	4.035.161.288	2.241.026.167	-	39.122.422.543

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 77.875.572.081 VND (tại ngày 01/01/2023: 74.225.042.185 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2023 là 8.618.319.595 VND (tại ngày 01/01/2023: 11.092.053.194 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.12 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	77.003.448.071	16.427.978.855	93.431.426.926
Tăng trong kỳ	-	1.523.000.000	1.523.000.000
Mua trong kỳ	-	1.523.000.000	1.523.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>77.003.448.071</u>	<u>17.950.978.855</u>	<u>94.954.426.926</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	7.400.009.233	3.662.056.549	11.062.065.782
Tăng trong kỳ	1.055.869.476	1.646.832.960	2.702.702.436
Khấu hao trong kỳ	1.055.869.476	1.646.832.960	2.702.702.436
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>8.455.878.709</u>	<u>5.308.889.509</u>	<u>13.764.768.218</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	<u>69.603.438.838</u>	<u>12.765.922.306</u>	<u>82.369.361.144</u>
Tại ngày 30/6/2023	<u>68.547.569.362</u>	<u>12.642.089.346</u>	<u>81.189.658.708</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 526.556.977 VND (tại ngày 01/01/2023: 520.756.977 VND).

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án xây dựng tập huấn và triển khai ứng dụng di động	5.268.300.000	5.268.300.000
Tổng	<u>5.268.300.000</u>	<u>5.268.300.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.14 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.027.534.487	3.143.847.775
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.027.534.487	3.143.847.775
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

5.15 Lợi thế thương mại

a. Chi tiết lợi thế thương mại

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	8.229.948.297	11.427.082.105
Các công ty con khác	15.919.802.221	14.512.525.784
Tổng	24.149.750.518	25.939.607.889

b. Biến động của lợi thế thương mại trong kỳ

	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
	kết thúc	kết thúc
	ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
	VND	VND
Giá gốc của lợi thế thương mại tại đầu kỳ	115.929.494.383	115.929.494.383
Số đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến đầu năm	(89.989.886.494)	(81.367.497.178)
Số phân bổ vào chi phí trong kỳ	(4.311.194.656)	(4.311.194.656)
Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối kỳ	21.628.413.233	30.250.802.549

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	551.860.696.796	551.860.696.796	607.682.055.422	607.682.055.422
Phải trả cho các đối tượng khác	147.521.063.385	147.521.063.385	101.290.801.174	101.290.801.174
Tổng	699.381.760.181	699.381.760.181	708.972.856.596	708.972.856.596
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	878.243.800	878.243.800	3.069.211.033	3.069.211.033

5.17 Chi phí phải trả

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.134.499.755	2.793.534.749
Trích trước chi phí chiết khấu	453.493.055	1.429.900
Các khoản khác	408.380.956	432.596.565
Tổng	2.996.373.766	3.227.561.214
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	61.630.283	-

5.18 Các khoản phải trả khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	46.923.812.942	27.200.259.090
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.816.416	14.740.818
Kinh phí công đoàn	483.360.053	422.550.555
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	364.868.282	507.052.829
Cổ tức phải trả	912.301.894	912.301.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.383.091.751	20.040.525.024
Chiết khấu phải trả	1.613.325.104	1.338.805.163
Phải trả, phải nộp khác	5.151.049.442	3.964.282.807
Dài hạn	40.596.152.676	61.115.208.052
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	40.596.152.676	61.115.208.052
Tổng	87.519.965.618	88.315.467.142
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan	286.539.796	8.419.001.818
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2023 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	708.408.590.777	708.408.590.777	1.037.714.242.680	930.082.999.318	600.777.347.415	600.777.347.415
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>633.651.640.777</i>	<i>633.651.640.777</i>	<i>968.520.042.680</i>	<i>896.709.929.318</i>	<i>561.841.527.415</i>	<i>561.841.527.415</i>
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	-	-	10.535.886.000	10.535.886.000	-	-
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	298.271.426.114	298.271.426.114	602.079.517.423	534.523.360.304	230.715.268.995	230.715.268.995
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	206.746.026.718	206.746.026.718	206.746.026.718	196.253.666.561	196.253.666.561	196.253.666.561
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	120.724.837.945	120.724.837.945	120.724.837.944	117.968.235.298	117.968.235.299	117.968.235.299
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long Biên (iv)	7.909.350.000	7.909.350.000	28.433.774.595	37.428.781.155	16.904.356.560	16.904.356.560
Vay dài hạn đến hạn trả	74.756.950.000	74.756.950.000	69.194.200.000	33.373.070.000	38.935.820.000	38.935.820.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	13.320.600.000	13.320.600.000	9.460.000.000	5.020.600.000	8.881.200.000	8.881.200.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	55.116.350.000	55.116.350.000	53.414.200.000	28.352.470.000	30.054.620.000	30.054.620.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long Biên (vii)	6.320.000.000	6.320.000.000	6.320.000.000	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2023 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn (trung trước chuyển sang)	708.408.590.777	708.408.590.777	1.037.714.242.680	930.082.999.318	600.777.347.415	600.777.347.415
b) Vay dài hạn	93.493.050.000	93.493.050.000	4.834.120.000	73.900.850.000	162.559.780.000	162.559.780.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	5.639.400.000	5.639.400.000	687.600.000	9.887.000.000	14.838.800.000	14.838.800.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	65.753.650.000	65.753.650.000	4.146.520.000	56.113.850.000	117.720.980.000	117.720.980.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long Biên (vii)	22.100.000.000	22.100.000.000	-	7.900.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Tổng	801.901.640.777	801.901.640.777	1.042.548.362.680	1.003.983.849.318	763.337.127.415	763.337.127.415

(i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:

- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
- Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
- Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu: 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và Thông báo gia hạn ngày 15/3/2023 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
- Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
- Lãi suất vay: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng.
- Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
- Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/3/2024, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
- Biện pháp bảo đảm: khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

- Hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
- Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
- Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
- Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

(iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/963762/HĐTD ngày 01/11/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên

- Hạn mức cấp tín dụng là 200.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này nhưng không vượt quá ngày 15/8/2023;
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Lãi suất: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Biện pháp bảo đảm: thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha Hà Nội đứng tên; tài sản cố định hữu hình do Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha Hà Nội sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

(v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
- Mục đích của khoản vay: cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vi) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HĐTD ngày 27/12/2022:

- Số tiền cho vay: 145.000.000.000 VND;
- Mục đích của khoản vay: Đầu tư dự án vỏ bình gas;
- Thời hạn vay: 5 năm;
- Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Thời hạn rút vốn: Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực;
- Lịch trả nợ gốc: Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý: tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm;
- Biện pháp bảo đảm: cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112590/HĐTG ngày 30/11/2022 với số tiền 50.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/3112590/HĐBĐ ngày 01/12/2022;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(vii) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản), trong đó bao gồm:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

- Số tiền cho vay: 2.900.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD;
- Lãi suất: 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần;
- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	102.085.844.808	14.305.196.149	491.526.339.173
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.514.241.102	12.172.877.298	13.687.118.400
Tăng vốn của cổ đông không kiểm soát tại Công ty con	-	-	-	-	-	3.100.000.000	3.100.000.000
Chia cổ tức Công ty mẹ mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	(18.669.771.000)	-	(18.669.771.000)
Giảm khác	-	-	-	-	6.084.583	(7.084.583)	(1.000.000)
	-	-	-	-	740.244.118	-	740.244.118
Số dư tại ngày 31/12/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	85.676.643.611	29.570.988.864	490.382.930.691
Số dư tại ngày 01/01/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	85.676.643.611	29.570.988.864	490.382.930.691
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	2.450.677.404	(2.374.425.962)	76.251.442
Biến động khác do hợp nhất	-	-	-	-	(778.933.145)	61.010.456	(717.922.689)
Số dư tại ngày 30/6/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	87.348.387.870	27.257.573.358	489.741.259.444

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

a. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND	Thời điểm xóa nợ
Công ty TNHH TM DV Khí Đốt Nam Việt	2.583.837.341	2.583.837.341	Năm 2020
Tạm ứng dự án Cảng Tân Tập	1.239.222.215	1.239.222.215	Năm 2020
Công ty TNHH Thành Long	262.789.405	262.789.405	Năm 2020
Công ty TNHH SX-XK Gốm Mỹ Nghệ Long Trường	232.379.461	232.379.461	Năm 2020
Công ty TNHH An Hiệp	214.325.059	214.325.059	Năm 2020
Các đối tượng khác	183.603.262	183.603.262	Năm 2020
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021

Các khoản nợ khó đòi nêu trên là các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 03 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trên số dư nợ gốc. Công ty tiến hành xóa nợ do đã qua 03 năm kể từ thời điểm trích lập dự phòng 100%, Công ty không thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi này.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán LPG	1.729.247.038.632	2.225.494.929.264
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	15.036.513.148	5.139.205.878
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	8.165.505.333	7.898.751.576
Tổng	1.752.449.057.113	2.238.532.886.718
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	373.378.487.272	342.903.616.998

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chiết khấu thương mại	49.167.969.504	10.953.866.661
Giảm giá hàng bán	-	57.470.586
Hàng bán bị trả lại	-	5.668.661.132
Tổng	49.167.969.504	16.679.998.379
<i>Trong đó:</i>		
Giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	21.778.421.075	5.087.440.985

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán LPG	1.680.079.069.128	2.208.814.930.885
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	15.036.513.148	5.139.205.878
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	8.165.505.333	7.898.751.576
Tổng	1.703.281.087.609	2.221.852.888.339

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn bán LPG	1.504.270.332.612	2.015.302.689.894
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	15.295.602.356	7.363.540.674
Tổng	1.519.565.934.968	2.022.666.230.568

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.779.008.778	4.203.522.217
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.643.417.263	384.940.664
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	3.244.751.244	-
Tổng	10.667.177.285	4.588.462.881

Trong đó:

Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	5.527.680.624	213.723.971
--	----------------------	--------------------

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	23.841.553.911	13.434.143.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.895.804.659	8.588.795.372
Chi phí tài chính khác	-	3.193.629
Tổng	26.737.358.570	22.026.132.994

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí bán hàng	123.544.265.058	151.227.096.506
Chi phí nhân viên	49.326.469.050	55.855.352.717
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	9.049.399.423	26.065.072.606
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.597.141.546	16.113.492.682
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.445.322.041	3.194.065.719
Chi phí bán hàng khác	40.125.932.998	49.999.112.782
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.531.896.804	60.325.729.990
Chi phí nhân viên quản lý	16.174.229.408	28.627.077.724
Chi phí vật liệu quản lý	202.491.137	1.693.931.416
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.228.536.295	10.211.024.742
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.192.030.389	1.702.531.901
Phân bổ lợi thế thương mại	1.789.857.371	4.311.194.656
Thuế phí và lệ phí	34.702.000	102.784.385
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.910.050.204	13.677.185.166
Tổng	168.076.161.862	211.552.826.496

6.8 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng và các cửa hàng LPG	1.927.260.684	7.100.923.852
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	83.960.000	-
Các khoản khác	699.824.097	174.683.512
Tổng	2.711.044.781	7.275.607.364
Chi phí khác		
Xử lý tài sản thiếu sau khi kiểm kê	161.114.240	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	334.852.421	369.034.877
Xuất thanh lý - huỷ van, dây, phụ kiện, hàng khuyến mãi	339.327.713	-
Chi phí thuê kho, văn phòng của chi nhánh, cửa hàng đang tạm ngưng hoạt động	1.843.650.524	-
Chi phí khác	2.502.555	17.922.381
Tổng	2.681.447.453	386.957.258
Lợi nhuận khác	29.597.328	6.888.650.106

Trong đó:

Thu nhập khác với bên liên quan

71.250.000

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	184.531.649	1.429.011.760
Tổng	184.531.649	1.429.011.760

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	116.313.288	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(297.445.889)
Tổng	116.313.288	(297.445.889)

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	2.450.677.404	(21.569.190.447)
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	2.450.677.404	(21.569.190.447)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	66	(578)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	361.498.585.561	136.118.869.976
Chi phí nhân công	74.523.125.567	95.047.402.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	11.877.952.753	16.268.599.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.616.288.578	72.280.715.596
Chi phí khác bằng tiền	15.552.092.895	17.892.131.096
Tổng	530.068.045.354	337.607.718.630

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Năm thứ nhất	5.866.560.000	5.866.560.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.982.080.000	15.848.640.000
Từ năm thứ năm trở đi	-	-
Tổng	15.848.640.000	21.715.200.000

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch và số dư trong kỳ:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
3	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết
4	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết
6	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
7	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
8	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết
13	Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, những người quản lý khác và những thành viên lân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
Tổng		-	36.000.000

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (từ ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Tổng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 19/4/2023, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	245.464.550	347.981.282
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Trần Duy Luân	Giám đốc tài chính (từ ngày 10/7/2023)	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	299.443.352	437.037.731
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	237.750.000	295.952.929
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	369.769.550	526.635.548
Tổng		1.152.427.452	1.607.607.490

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<u>Mua hàng</u>			10.882.719.869	40.042.485.616
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	Phí bảo lãnh tính dụng Chi phí khác	2.615.962.501 35.668.000	1.125.549.260 199.128.062
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.242.233.300	34.740.260.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, thuê xe	2.150.793.865	1.906.613.887
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Phí thuê kho gửi LPG, mua LPG, thuê xe	83.258.589	416.460.955
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, thuê xe	1.227.272.724	1.472.727.276
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Phí vận chuyển, chiết nạp	2.209.770.829	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	181.746.176
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	Phí chiết nạp	317.760.061	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<u>Bán hàng</u>			373.378.487.272	342.903.616.998
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	566.316.842	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết	Bán LPG và hàng hóa khác	19.529.128.770	24.102.519.090
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	25.430.107.951	40.467.012.033
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG và hàng hóa khác	22.116.520.426	38.234.345.924
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, cho thuê xe	37.255.326.327	6.495.073.645
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	104.618.195.092	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	98.735.110.207	145.223.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	-	735.442.005
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	60.031.083.250	87.646.224.301
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	Bán LPG, cho thuê xe	5.096.698.407	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<u>Các khoản giảm trừ doanh thu</u>			21.778.421.075	5.087.440.985
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	17.021.710.658	2.846.853.712
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	3.758.879.091	972.095.909
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	-	1.268.491.364
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	257.827.690	-
Công ty Cổ Phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	740.003.636	-
<u>Cho vay</u>				
Công ty TNHH LPG Tiến Phát		Tiền gốc cho vay thu hồi trong kỳ	950.000.000	950.000.000
<u>Các khoản doanh thu tài chính</u>			5.527.680.624	213.723.971
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Lãi vay	3.045.822.519	213.723.971
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	190.980.209	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	2.045.164.905	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	245.712.991	-
<u>Thu nhập khác</u>			71.250.000	-
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	Xuất bán vỏ chai LPG	71.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2023	
			VND	
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>			162.303.825.159	152.936.163.178
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	113.576.093	65.786.601
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	12.436.127.397	13.697.857.187
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	32.467.486.094	34.499.367.347
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	6.527.701.682	8.049.529.211
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.535.290.497	16.981.952.036
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	51.313.129.645	48.393.156.515
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.185.133.640	5.246.164.332
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	38.836.778.023	3.703.501.930
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên k	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	150.869.169
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	21.293.652.828
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung		Bán hàng hóa, dịch vụ	5.888.602.088	854.326.022
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>			50.385.247.171	50.414.478.223
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết		50.200.000.000	50.200.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết		-	214.478.223
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết		185.247.171	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>			6.262.509.498	5.120.206.254
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết		-	31.063.699
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	Tiền thuế TNCN nộp hộ	4.542.058.498	4.689.142.555
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	Tiền ủy quyền mua cổ phần	400.000.000	400.000.000
Ông Trần Duy Luân	Giám đốc tài chính	Tạm ứng	1.320.451.000	-
<u>Phải thu về cho vay</u>			24.037.320.000	24.987.320.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết	Tiền gốc vay phải thu	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Tiền gốc vay phải thu	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Tiền gốc vay phải thu	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Tiền gốc vay phải thu	5.700.000.000	6.650.000.000
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>			878.243.800	3.069.211.033
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	827.475.990	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	37.464.448	1.730.782.957
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên k	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	943.196.076
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	13.303.362	
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết		-	395.232.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>			61.630.283	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	49.200.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	12.430.283	-
<u>Phải trả khác</u>			286.539.796	8.419.001.818
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Nhận ký quỹ, ký cược	-	1.895.880.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Nhận ký quỹ, ký cược	243.935.000	5.905.935.000
		Chiết khấu phải trả	-	585.594.318
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	Chiết khấu phải trả	42.604.796	31.592.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan